

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **161/2023/HC-ST**
Ngày: 26 – 9 – 2023
V/v kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đức

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Thuần
2. Ông Nguyễn Phi Long

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Chi – Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Nguyễn Thị Hải Anh -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 114/2023/TLST-HC ngày 05 tháng 7 năm 2023 về việc kiện “*Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2023/QĐXXST-HC ngày 28/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 134/2023/QĐ-HPT ngày 12/9/2023 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Quách Thị C – sinh năm 1957; Địa chỉ: Thôn M, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; (Vắng mặt)

Người đại diện theo uỷ quyền của bà C: Ông Đỗ Anh T – sinh năm 1985; Địa chỉ: Số S, liên gia B, Buôn Đ, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Người bị kiện:

+ Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn H – Chức vụ: Chủ tịch UBND TP. B. (Vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND thành phố B: Ông Trương Văn C – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất TP. B (Vắng mặt); Ông Võ Quang H – Chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất TP. B. (Có mặt)

+ Chủ tịch UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

Người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện: Ông Lê Đại T – Chức vụ: Phó chủ

tịch UBND TP. B, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Văn C – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất TP. B; (Vắng mặt)

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Võ Quang H – Chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất TP. B. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện bà Quách Thị C và người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện thống nhất trình bày:

Năm 1990, ông Phan Văn P nhận hợp đồng giao khoán sản xuất trồng cà phê với Nông trường cà phê V1 (Nay là Công ty V2). Đến năm 2003, ông P chuyển nhượng một phần diện tích đất nhận khoán cho bà Quách Thị C. Từ đó đến nay, bà C đã sử dụng ổn định và xây 02 căn nhà trên đất mà không có tranh chấp với ai từ 15/10/1993, nay là thửa đất số 25, tờ bản đồ số 17, diện tích 86,8m² tại Thôn M, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 28/9/2021, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 6870/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình cơ sở hạ tầng Khu dân cư Thôn M, xã H, thành phố B. Theo đó, diện tích đất 86,8m² mà hộ gia đình bà C đang quản lý, sử dụng thuộc đối tượng bị thu hồi và được bồi thường, hỗ trợ 50.162.811 đồng theo Quyết định trên.

Sau khi nhận được Quyết định số 6870/QĐ-UBND, bà C nhận thấy việc UBND thành phố B thu hồi đất của gia đình bà C nhưng không thực hiện bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại và các chính sách hỗ trợ khác cho gia đình bà C là không đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà C, do đó bà C đã kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền để xem xét lại chính sách bồi thường, hỗ trợ cho bà C.

Ngày 26/5/2023, bà Quách Thị C nhận được Công văn số 103/CV-TTPTQĐ ngày 24/5/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B với nội dung không chấp nhận kiến nghị của bà C nên bà C đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết những yêu cầu sau:

- Tuyên huỷ một phần Quyết định số 6870/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của UBND thành phố B;

- Huỷ Công văn số 103/CV-TTPTQĐ ngày 24/5/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B về việc trả lời đơn của bà Quách Thị C;

- Buộc UBND thành phố B bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại bằng 10% giá trị diện tích đất bị thu hồi theo 100% giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh Đắk Lắk quy định khi sử dụng đất trước ngày 15/10/1993 và hỗ trợ bằng 2 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của UBND tỉnh Đắk Lắk; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp, tìm kiếm việc làm, ổn định đời sống và sản xuất và giao cho bà C 01 suất tái định cư tối thiểu không qua đầu giá;

- Buộc UBND thành phố B bồi thường giá trị tài sản là cây trồng trên đất được hình thành từ năm 2009 đến năm 2021 (sau ngày ban hành Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 06/3/2008 của UBND tỉnh Đắk Lắk) theo quy định tại Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk; Điều 16, 17, 18 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk và Mục 1, 3, 4 Công văn số 10997/UBND-NNMT ngày 09/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk.

Tại bản tự khai của người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện, ông Lê Đại T trình bày:

- Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ khoản 1, khoản 2, Điều 116 Luật tố tụng hành chính, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 6870/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư Thôn M, xã H, thành phố B đã hết thời hiệu khởi kiện.

- Về việc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố ban hành Công văn số 103/CV- TTPTQĐ ngày 24/5/2023 về việc trả lời đơn của hộ bà Quách Thị C không làm phát sinh thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Căn cứ khoản 2, điều 3, Luật tố tụng hành chính năm 2015, Công văn số 103/CV-TTPTQĐ ngày 24/5/2023 không phải là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính.

- Về yêu cầu bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại của bà Quách Thị C: Tại thời điểm năm 2008 UBND tỉnh Đắk Lắk thu hồi đất của Công ty cà phê V2 thì bà Quách Thị C không có Hợp đồng nhận khoán, với Công ty cà phê V2. Tuy nhiên, sau khi có quyết định thu hồi đất hộ bà Quách Thị C vẫn sử dụng trên diện tích đất của Công ty Cà phê V2 và xây nhà và sân toàn bộ trên diện tích 86,8m². Hộ bà Quách Thị C nhận sang nhượng đất của hộ nhận khoán không có Hợp đồng nên không đủ cơ sở xem xét bồi thường về chi phí đầu tư vào đất còn lại.

- Về hỗ trợ tiền sử dụng đất trước ngày 15/10/1993: Căn cứ điểm 2, khoản 9, Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk, hộ bà Quách Thị C xây dựng nhà và sân trên toàn bộ diện tích và không phải là hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp theo quy định tại khoản 30, Điều 3 Luật đất đai năm 2013 quy định “hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp là hộ gia đình, cá nhân đã được Nhà nước giao, cho thuê, công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp; nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó” nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của bà C.

- Về hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Căn cứ Khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP thì hộ bà Quách Thị C xây dựng nhà và sân trên toàn bộ diện tích đất sang nhượng 86,8m² của hộ nhận khoán, do đó hộ bà Quách Thị C không thuộc đối tượng quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Cho nên không đủ điều kiện hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

- Về hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: Căn cứ Điều 17 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk và khoản 5 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, tại thời điểm UBND tỉnh Đắk Lắk thu hồi đất (năm 2008) của Công ty Cà phê V2 thì bà C không có Hợp đồng nhận khoán. Tuy nhiên, từ thời điểm năm 2008 đến năm 2021, hộ bà Quách Thị C xây dựng nhà và sân trên toàn bộ diện tích đất sang nhượng của hộ nhận khoán không có hợp đồng, do đó hộ bà C không đủ điều kiện hỗ trợ ổn định đời sống.

- Về tái định cư: Hộ bà C nhận chuyển nhượng đất không đúng quy định tại khoản 3 Điều 1 Quyết định 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk nên không đủ cơ sở xem xét giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định.

Như vậy, việc thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà C khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư Thôn M, xã H, thành phố B đã được UBND thành phố B thực hiện đúng theo các quy định hiện hành.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Tòa án bác đơn yêu cầu bồi thường, hỗ trợ của hộ bà Quách Thị C.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa, ông Võ Quang H trình bày:

Công văn số 103/CV- TTPTQĐ ngày 24/5/2023 về việc trả lời đơn của hộ bà Quách Thị C không làm phát sinh thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền, lợi ích hợp

pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Căn cứ khoản 2, điều 3, Luật tổ tụng hành chính năm 2015, Công văn số 103/CV-TTPTQĐ ngày 24/5/2023 không phải là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Về các yêu cầu khởi kiện của bà C, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B hoàn toàn đồng ý với phần trình bày của người bị kiện, đề nghị HĐXX bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tổ tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Luật Tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Bà Quách Thị C nhận chuyển nhượng đất bằng giấy viết tay không đúng theo quy định của pháp luật, không có hợp đồng nhận khoán và không có sự đồng ý của Công ty cà phê nên đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 19, khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, không chấp nhận về: bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại, yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất và hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, tìm kiếm việc làm đối với bà C. Ngoài ra, không có chứng cứ, tài liệu thể hiện UBND thành phố đã triển khai Quyết định số 530/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành ngày 16/8/2008 đến các hộ dân, các hộ dân tiếp tục xây dựng, tạo lập tài sản, trồng cây trên đất sau 16/8/2008 và không bị xử lý vi phạm hành chính nên cây trồng trên đất của bà C cần được xác định là tài sản tạo lập hợp pháp và được hỗ trợ theo quy định. Ngoài ra, bà C đã được xác minh là không nhà ở, đất ở nào khác nên căn cứ điểm c khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai 2013, khoản 1 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến trình bày của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Bà Quách Thị C khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tuyên huỷ một phần Quyết định số 6870/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của UBND thành phố B và huỷ Công văn số 103/CV-TTPTQĐ ngày 24/5/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ

lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 28/9/2021, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 6870/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư Thôn M, xã H, thành phố B và bảng tính chi tiết đính kèm trong đó có hộ bà Quách Thị C. Không đồng ý với Quyết định số 6870/QĐ-UBND, ngày 13/5/2023, bà C làm đơn khiếu nghị gửi Chủ tịch UBND thành phố B và Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B. Đến ngày 24/5/2023 Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B ban hành Công văn số 103/CV-TTPTQĐ về việc trả lời đơn của bà Quách Thị C. Như vậy, thời điểm bà Quách Thị C nộp đơn khởi kiện là vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính do thời hiệu khởi kiện được tính từ thời điểm bà C nhận được Công văn số 103/CV – TTPTQĐ của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B.

[1.3] Về tính hợp pháp của Công văn số 103/CV-TTPTQĐ ngày 24/5/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B:

Xét đơn khiếu nghị ngày 13/5/2023 của bà Quách Thị C gửi Chủ tịch UBND thành phố B và Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B có nội dung không đồng ý với Quyết định số 6870/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường khi nhà nước thu hồi đất đối với hộ bà Quách Thị C. Do đó, đây là đơn khiếu nại quyết định hành chính của UBND thành phố B. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B không cung cấp được văn bản thể hiện nội dung ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố B cho Trung tâm phát triển quỹ đất trả lời đơn kiến nghị của bà Quách Thị C.

Căn cứ quy định tại Điều 204 Luật Đất đai năm 2013, các Điều 7, 17 và 19 Luật Khiếu nại năm 2011 thì việc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B trả lời đơn kiến nghị của bà Quách Thị C là không đúng thẩm quyền. Bởi lẽ, thẩm quyền giải quyết đơn khiếu nại, kiến nghị đối với Quyết định hành chính của UBND thành phố B là thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND thành phố B. Như vậy, người bị kiện được xác định là UBND thành phố B và Chủ tịch UBND thành phố B; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B.

[2] Về nội dung đơn khởi kiện của bà Quách Thị C yêu cầu huỷ một phần Quyết định số 6870/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của UBND thành phố B và huỷ 103/CV-

TTPTQĐ ngày 24/5/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, Hội đồng xét xử xét thấy:

Năm 1990, ông Phan Văn P nhận hợp đồng giao khoán sản xuất trồng cà phê với Nông trường cà phê V1 (Nay là Công ty V2). Đến năm 2003, ông P chuyển nhượng một phần diện tích đất nhận khoán cho bà Quách Thị C. Từ đó đến nay, bà C đã sử dụng ổn định và xây 02 căn nhà trên đất mà không có tranh chấp với ai từ 15/10/1993.

Ngày 28/9/2021, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 6870/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình cơ sở hạ tầng Khu dân cư Thôn M, xã H, thành phố B. Theo đó, diện tích đất 86,8m² mà hộ gia đình bà C đang quản lý, sử dụng thuộc đối tượng bị thu hồi và được bồi thường, hỗ trợ 50.162.811 đồng theo Quyết định trên.

[2.1] Về chi phí đầu tư vào đất còn lại:

Theo tài liệu cho bà C cung cấp thể hiện, thực tế ông P chuyển nhượng một phần thửa đất nhận khoán cho bà Quách Thị L (em của bà C), sau đó bà L mới chuyển nhượng lại cho bà C 100m² đất trong diện tích đất trên theo Giấy sang nhượng đất viết tay ngày 21/7/2007 giữa vợ chồng bà L, ông Hoàng và bà C, ông Thành. Điều này mâu thuẫn với kết quả xác minh nguồn gốc đất của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, bà Quách Thị C không cung cấp được hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà C, bà Quách Thị L và ông Phan Văn P, không cung cấp được hợp đồng giao khoán giữa hộ ông P với Công ty V2 hoặc các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giao nhận khoán giữa ông Phan Văn P và Công ty V2 nên không xác định được thời hạn nhận khoán của hợp đồng là đến thời điểm nào.

Như vậy, bà Quách Thị C đã nhận chuyển nhượng đất bằng giấy viết tay, từ hộ gia đình không có hợp đồng giao khoán với Nông trường cà phê V1 và việc chuyển nhượng cũng không được sự đồng ý, xác nhận của Nông trường. Từ đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại của bà C.

[2.2] Về hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Tại Biên bản làm việc ngày 21/6/2021 tại UBND xã H xác định nghề nghiệp của bà C là làm nông, trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu từ sản xuất đất nông nghiệp trên diện tích đất bị thu hồi. Tuy nhiên, tại Biên bản làm việc ngày 12/5/2021 cho thấy ngoài 01 cây bơ và 01 cây lòng mứt thì bà C không còn cây cối hoa màu nào khác, như vậy thực tế bà C đã sử dụng đất nông nghiệp để xây 02 căn

nhà cấp 4 cùng với các tài sản khác gắn liền trên đất chứ không sử dụng diện tích đất trên để canh tác, sản xuất nông nghiệp và tạo nguồn thu nhập từ việc sản xuất đó như xác minh của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B tại Biên bản làm việc ngày 21/6/2021.

Ngoài ra, bà C đã nhận chuyển nhượng đất giao khoán bằng giấy viết tay mà không có sự đồng ý từ Nông trường và không có hợp đồng giao khoán sử dụng đất với Nông trường. Do đó, căn cứ khoản 30 Điều 3 Luật đất đai 2013, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 19, khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, bà C không đủ điều kiện được hỗ trợ ổn định, đời sống, sản xuất và không thuộc đối tượng được hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

[2.3] Về hỗ trợ 100% theo bảng giá đất khi sử dụng đất trước 15/9/1993 và hỗ trợ bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại là không có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ:

Như đã nhận định tại mục 2.2, bà C không phải hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất bị thu hồi nên căn cứ khoản 1 Điều 18 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 và mục 2 khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk (sửa đổi bổ sung Điều 23 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND), bà C không thuộc trường hợp được hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm và hỗ trợ khác với mức hỗ trợ 100% theo bảng giá đất khi sử dụng đất trước 15/9/1993 và hỗ trợ bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại khi nhà nước thu hồi đất.

[2.4] Về yêu cầu giao cho bà Quách Thị C 01 suất tái định cư không qua đấu giá:

Theo Sổ hộ khẩu của bà Quách Thị C và Đơn xin xác nhận ngày 18/9/2023, UBND xã Hoà Thắng xác nhận hộ bà Quách Thị C hiện nay không còn chỗ ở, đất ở nào khác trên địa bàn xã, do đó căn cứ điểm c khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai 2013, khoản 1 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk (sửa đổi khoản 3 Điều 6 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk), yêu cầu giao 01 suất tái định cư không qua đấu giá của bà C là có cơ sở chấp nhận.

[2.5] Về yêu cầu bồi thường giá trị tài sản là cây trồng trên đất được hình thành từ năm 2009 đến năm 2021:

Mặc dù năm 2008 UBND tỉnh Đắk Lắk đã ban hành quyết định thu hồi đất của Công ty cà phê V2 và giao cho UBND thành phố B quản lý nhưng tại thời điểm này UBND thành phố B chưa phê duyệt phương án bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất. Đến ngày 01/11/2019 thì UBND thành phố B mới tổ chức họp thông báo, chủ trương,

chính sách của Nhà nước khi triển khai dự án để các hộ dân trong phạm vi thu hồi được biết và đề nghị các hộ phối hợp trong công tác đo đạc, kiểm đếm hiện trạng đất đai, tài sản gắn liền với đất thu hồi để thực hiện dự án. Như vậy, ngày 01/11/2019 hộ gia đình bà C mới được thông báo thu hồi đất.

Bên cạnh đó, tại mục 5 khoản 9 Điều 1 Quyết định 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 sửa đổi bổ sung Điều 23 Quyết định 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk có quy định:

“5. Cây trồng gắn liền với đất không đủ điều kiện bồi thường được trồng trước khi có thông báo thu hồi đất được hỗ trợ như sau:

a) Thời điểm sử dụng đất trước ngày 15/10/1993 được hỗ trợ bằng 100% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành.

b) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 hỗ trợ bằng 80% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành.

c) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014 hỗ trợ bằng 60% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành.

d) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 01/7/2014 đến trước khi có thông báo thu hồi đất thì cây trồng được hỗ trợ bằng 30% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành.”

Tại Biên bản xác minh nguồn gốc đất ngày 20/5/2021, xác định trên diện tích đất bị thu hồi của bà Quách Thị C có 01 cây bơ ghép loại A trồng năm 2004 và 01 cây lồng mức trồng năm 2012.

Mặt khác, khi gia đình bà C trồng cây trên đất thì không bị xử lý vi phạm hành chính, không bị ngăn chặn bởi Công ty cà phê V2 hay cơ quan có thẩm quyền. Như vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C buộc UBND thành phố B hỗ trợ giá trị cây trồng trên diện tích đất bị thu hồi từ khi có quyết định thu hồi đất số 530/QĐ-UBND ngày 06/03/2008 UBND tỉnh Đắk Lắk đến ngày 01/11/2019 (ngày bà C được thông báo chủ trương, chính sách khi Nhà nước thu hồi đất).

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận một phần nên Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính;

Áp dụng Điều 204 Luật đất đai 2013; Điều 7, Điều 17, Điều 19 Luật khiếu nại 2011; Các điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 3, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 19, khoản

1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 1 Điều 18 Quyết định số 39/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk; mục 2 và mục 5 khoản 9 Điều 1, khoản 1 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 15 và khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của của bà Quách Thị C về:

- Hủy một phần quyết định số 6870/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của UBND thành phố B và buộc UBND thành phố B phê duyệt bổ sung phương án hỗ trợ về các cây trồng được tạo lập sau khi có quyết định thu hồi đất số 530/QĐ-UBND ngày 06/03/2008 UBND tỉnh Đắk Lắk đến trước khi có thông báo thu hồi đất ngày 01/11/2019 cho hộ bà Quách Thị C.

- Hủy Công văn số 103/CV-TTPTQĐ ngày 24/5/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B;

- Buộc UBND thành phố B giao cho bà Quách Thị C 01 suất tái định cư không qua đầu giá;

[2] Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị C về: Buộc UBND thành phố B bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại; hỗ trợ 100% theo bảng giá đất khi sử dụng đất trước 15/9/1993 và 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại; hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất; hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

[3] Về án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Đức

